

Số: 4720 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 12 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phân bổ kinh phí thực hiện phòng, chống dịch Covid-19
và hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do
đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của
Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Công văn số 9160/BTC-NSNN ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Bộ
Tài chính về việc kinh phí thực hiện phòng, chống dịch Covid-19 và hỗ trợ
người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ Quyết định số 4528/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của
Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa
bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm
2023, tỉnh Thanh Hóa;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 7476/STC-QLNS&TKTC
ngày 07 tháng 12 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phân bổ kinh phí thực hiện phòng, chống dịch Covid-19 và hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính như sau:

1. Tổng kinh phí: 119.463 triệu đồng (một trăm mười chín tỷ, bốn trăm sáu mươi ba triệu đồng), trong đó:

a) Hoàn trả dự phòng ngân sách cấp tỉnh: 54.657 triệu đồng (năm mươi tư tỷ, sáu trăm năm mươi bảy triệu đồng).

b) Kinh phí bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thị xã, thành phố: 64.806 triệu đồng (sáu mươi tư tỷ, tám trăm lẻ sáu triệu đồng).

2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu tại Công văn số 9160/BTC-NSNN ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác, tính pháp lý, thẩm quyền phê duyệt của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và việc đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định; có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ về công bố thông tin và báo cáo cấp có thẩm quyền về việc sử dụng, hoàn trả nguồn dự phòng ngân sách tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát và thực hiện các thủ tục nghiệp vụ cấp kinh phí cho các đơn vị được bổ sung kinh phí đảm bảo đầy đủ, kịp thời theo tiến độ thực hiện các nhiệm vụ chi đã bố trí trong dự toán. Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa có quyền từ chối các khoản chi không đủ điều kiện chi theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí được giao đúng chế độ, chính sách, điều kiện, tiêu chuẩn, định mức, mục tiêu, đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, chống thất thoát, lãng phí và thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định pháp luật hiện hành. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong lĩnh vực tài chính - ngân sách và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định của mình.

4. Sở Tài chính, Sở Y tế, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm chủ động theo dõi, hướng dẫn và giải quyết các công việc liên quan đến việc tổ chức thực hiện của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo quy định; tham mưu đề xuất, báo cáo những vấn đề vượt thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở

Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đầu Thanh Tùng

Phụ lục:

**PHÂN BỐ KINH PHÍ THỰC HIỆN PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19
VÀ HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG, NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG GẶP
KHÓ KHĂN DO ĐẠI DỊCH COVID-19 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số 4720 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023

của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Nội dung	Kinh phí
	TỔNG CỘNG	119.463
I	Hoàn trả dự phòng ngân sách cấp tỉnh	54.657
II	Kinh phí bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thị xã, thành phố	64.806
1	Thành phố Thanh Hóa	6.835
2	Thành phố Sầm Sơn	682
3	Thị xã Bỉm Sơn	5.803
4	Thị xã Nghi Sơn	9.751
5	Hà Trung	3.868
6	Nga Sơn	65
7	Hậu Lộc	5.081
8	Hoàng Hóa	3.838
9	Quảng Xương	1.463
10	Đông Sơn	848
11	Triệu Sơn	5.088
12	Thọ Xuân	2.114
13	Yên Định	4.724
14	Thiệu Hoá	1.952
15	Vĩnh Lộc	2.312
16	Thạch Thành	1.813
17	Cẩm Thủy	884
18	Như Thanh	2.127
19	Lang Chánh	5
20	Bá Thước	1.424

TT	Nội dung	Kinh phí
21	Quan Hóa	690
22	Thường Xuân	662
23	Như Xuân	103
24	Mường Lát	2.627
25	Quan Sơn	47